

Hà Nội, ngày 09 tháng 04 năm 2025

Số: 113 /TB-HVKHXH

THÔNG BÁO TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ NĂM 2025

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 3027/QĐ-HV-KHXH ngày 05 tháng 11 năm 2021 của Giám đốc Học viện Khoa học xã hội về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Học viện Khoa học xã hội;

Căn cứ Quyết định số 1143/QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc chuyển đổi tên và mã số đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ của Học viện Khoa học xã hội theo Thông tư số 25/2017/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ;

Học viện Khoa học xã hội thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ đợt 1 năm 2025 như sau:

I. CÁC NGÀNH TUYỂN SINH

TT	Ngành tuyển sinh	Ngành phù hợp I (không phải BSKT)	Ngành phù hợp II (phải học BSKT)	Ngành khác với ngành tuyển sinh trình độ tiến sĩ
1	Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu Mã số: 9220241	- Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu; - Ngôn ngữ học; - Ngôn ngữ Việt Nam; - Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam; - Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam.	- Ngôn ngữ Anh; - Ngôn ngữ Nga; - Ngôn ngữ Pháp; - Ngôn ngữ Trung Quốc; - Ngôn ngữ Đức; - Ngôn ngữ Nhật; - Ngôn ngữ Hàn Quốc; - Văn học nước ngoài; - Hán Nôm; - Lý luận văn học - Văn học Việt Nam - Văn học dân gian - Văn học - Quốc tế học; - Châu Á học; - Đông Phương học; - Trung Quốc học; - Nhật Bản học; - Đông Nam Á học; - Báo chí học; - Truyền thông đại chúng;	

			<ul style="list-style-type: none"> - Quan hệ công chúng; - Việt Nam học (có luận văn về Ngôn ngữ); - Nhân học (có luận văn về Nhân học ngôn ngữ). 	
2	Tâm lý học Mã số: 9310401	<ul style="list-style-type: none"> - Tâm lý học - Tâm lý học giáo dục 	<ul style="list-style-type: none"> - Giáo dục học; - Giáo dục mầm non; - Giáo dục tiểu học; - Quản lý giáo dục; - Công tác xã hội; - Xã hội học; - Nhân học; - Y tế công cộng; - Y học gia đình. 	
3	Chính sách công Mã số: 9 34 04 02	Chính sách công	<ul style="list-style-type: none"> - Khoa học quản lý (Quản lý phát triển, Quản lý đô thị, Quản lý xã hội, Quản lý nhà nước, Hành chính công, Quản lý tổ chức và nhân sự) - Quản lý công; - Quản trị nhân lực; - Hệ thống thông tin quản lý; - Quản trị văn phòng; - Quản lý khoa học và công nghệ; - Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp; - Quản lý kinh tế; - Chính trị học; - Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước; - Triết học; - Chủ nghĩa xã hội khoa học; - Xã hội học; - Kinh tế học; - Luật học; - Kinh tế chính trị; - Kinh tế quốc tế; - Kinh tế phát triển; - Kinh tế đầu tư; 	<p><i>Trường hợp có bằng tốt nghiệp ngành khác thì yêu cầu phải có 02 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đăng ký dự thi, sau khi trúng tuyển, nghiên cứu sinh sẽ phải học các học phần bổ sung theo quy định.</i></p>
4	Kinh tế quốc tế Mã số: 9 31 01 06	Kinh tế quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> - Khoa học quản lý; - Chính sách công; - Quản lý công; - Kinh tế học; - Kinh tế chính trị; - Kinh tế đầu tư; - Kinh tế phát triển; - Quản lý kinh tế; - Thống kê kinh tế; - Toán kinh tế; - Quản trị kinh doanh; - Kinh doanh thương mại; - Tài chính - Ngân hàng; 	

			<ul style="list-style-type: none"> - Kế toán; - Chính sách công và phát triển; - Quốc tế học; - Châu Á học; - Thái Bình Dương học; - Đông Phương học; - Trung Quốc học; - Nhật Bản học; - Hàn Quốc học; - Đông Nam Á học; - Việt Nam học; 	
5	Triết học Mã số: 9 22 90 01	Triết học	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ nghĩa xã hội khoa học; - Tôn giáo học; - Ngôn ngữ học; - Văn học; - Lý luận văn học - Hán Nôm; - Lịch sử thế giới; - Lịch sử phong trào cộng sản, công nhân quốc tế và giải phóng dân tộc; - Lịch sử Việt Nam; - Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; - Chính trị học; - Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước; - Hồ Chí Minh học; - Xã hội học; - Nhân học; - Quyền con người; - Tâm lý học; - Giáo dục học; - Quản lý giáo dục; - Khoa học quản lý; - Chính sách công; - Quản lý công; - Quản lý nhân lực; - Luật; - Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật; - Lý luận và lịch sử mỹ thuật; - Khảo cổ học - Văn hóa học; - Văn hóa dân gian; - Quản lý văn hóa; - Văn hóa so sánh; - Quan hệ Quốc tế; - Dân tộc học; - Phát triển bền vững; - Phát triển con người - Khu vực học (<i>Quốc tế học; Châu Á học; Thái Bình dương học; Đông phương học;</i> 	

			Trung Quốc học; Nhật bản học; Hàn Quốc học; Đông Nam Á học; Việt Nam học).	
--	--	--	--	--

II. HÌNH THỨC, THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM ĐÀO TẠO VÀ CHỈ TIÊU TUYỂN SINH

1. Hình thức đào tạo

Các lớp nghiên cứu sinh được tổ chức học theo hình thức chính quy.

2. Thời gian đào tạo

- Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ đối với người có bằng thạc sĩ là 03 năm tập trung.
- Thời gian đào tạo đối với người có bằng tốt nghiệp đại học là 04 năm tập trung.

Nghiên cứu sinh phải dành đủ thời gian học tập, nghiên cứu tại cơ sở đào tạo theo kế hoạch đã được phê duyệt; trong đó khi đăng ký đủ 30 tín chỉ trong một năm học được xác định là tập trung toàn thời gian.

3. Địa điểm tổ chức lớp học

- Các lớp nghiên cứu sinh được tổ chức tại trụ sở chính của Học viện Khoa học xã hội, số 477 đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

4. Chỉ tiêu tuyển sinh

Chỉ tiêu tuyển sinh năm 2025 dự kiến là 43 chỉ tiêu. Chỉ tiêu dự kiến phân bổ cho các ngành như sau:

TT	Ngành	Số lượng	Ghi chú
1.	Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu	08	
2.	Tâm lý học	09	
3.	Chính sách công	10	
4.	Kinh tế quốc tế	09	
5.	Triết học	07	
Tổng cộng:		43	

Ghi chú: Chỉ tiêu cuối cùng cho mỗi ngành tuyển sinh được Hội đồng tuyển sinh trình độ tiến sĩ quyết định dựa trên số lượng hồ sơ đăng ký dự tuyển vào các ngành và năng lực đào tạo của các ngành tại Học viện.

III. ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN

Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên hoặc bằng thạc sĩ ngành phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển. Trường hợp có bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc thuộc nhóm ngành phù hợp II với ngành đăng ký dự tuyển, sau khi trúng tuyển, nghiên cứu sinh phải học các học phần bổ sung kiến thức theo quy định.

Trường hợp các văn bằng, bằng điểm thạc sĩ hoặc văn bằng, bằng điểm đại học do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng tiếng Việt và nộp kèm Văn bản công nhận của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình định hướng nghiên cứu (đối với những trường hợp phát triển từ đề tài luận văn thạc sĩ); hoặc là tác giả 01 bài báo, báo cáo khoa học thuộc chuyên ngành dự tuyển đã công bố; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ.

c) Có một bài luận kèm Đề cương về dự định nghiên cứu và kế hoạch học tập toàn khóa (theo mẫu), trong đó trình bày rõ ràng các nội dung sau:

- Đề tài hoặc lĩnh vực nghiên cứu;
- Lý do lựa chọn lĩnh vực nghiên cứu;
- Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài;
- Phương pháp nghiên cứu đề tài;
- Mục tiêu và mong muốn đạt được khi đăng ký học nghiên cứu sinh;
- Lý do lựa chọn cơ sở đào tạo là Học viện Khoa học xã hội;
- Dự kiến kế hoạch học tập toàn khóa;
- Những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh trong vấn đề hay lĩnh vực nghiên cứu;
- Dự kiến việc làm sau khi tốt nghiệp;
- Đề xuất người hướng dẫn (nếu có);
- Đề cương nghiên cứu.

d) Có ít nhất một Thư giới thiệu đánh giá về phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá về phẩm chất của người dự tuyển, cụ thể:

- Phẩm chất đạo đức, đặc biệt là đạo đức nghề nghiệp;
- Năng lực hoạt động chuyên môn;
- Phương pháp làm việc;
- Khả năng nghiên cứu;
- Khả năng làm việc theo nhóm;
- Điểm mạnh và điểm yếu của người dự tuyển;
- Triển vọng phát triển về chuyên môn;
- Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu ứng viên làm nghiên cứu sinh; khả năng có thể đáp ứng trở thành người hướng dẫn khoa học cho ứng viên.

đ) Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải có một trong những văn bằng, chứng chỉ minh chứng về năng lực ngoại ngữ sau:

- Bằng tốt nghiệp đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài (Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc, Đức, Nhật, Hàn Quốc);
- Bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài (Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc, Đức, Nhật, Hàn Quốc) do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

- Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại Bảng sau và còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố.

**DANH SÁCH MỘT SỐ CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI MINH CHỨNG
CHO TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ CỦA NGƯỜI DỰ TUYỂN**

STT	Ngôn ngữ	Bằng/Chứng chỉ/Chứng nhận	Trình độ/Thang điểm
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	Tối thiểu đạt 46 điểm
		IELTS	Tối thiểu đạt 5.5 điểm
		Cambridge Assessment English	B2 Frst/ B2 Bussiness Vantage/Linguaskill Thang điểm: Tối thiểu đạt 160 điểm
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: Tối thiểu đạt 400 điểm Đọc: Tối thiểu đạt 385 điểm Nói: Tối thiểu đạt 160 điểm Viết: Tối thiểu đạt 150 điểm
		Aptis ESOL International Certificate	B2
		PEIC (Pearson English International Certificate)	Level 3
		PTE Academic (Pearson Test of English Academic)	Tối thiểu đạt 59 điểm
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF B2 đạt tối thiểu 400 điểm DELF B2 trở lên Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe – Institute	Goethe - Zertifikat B2 trở lên
		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN4) trở lên
4	Tiếng Trung Quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4 trở lên
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N3 trở lên
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL – Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-2 trở lên

7	Các Ngôn ngữ tiếng nước ngoài	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Bậc 4 trở lên
---	-------------------------------	--	---------------

* Ghi chú: Các chứng chỉ khác thuộc 1 trong 6 ngôn ngữ cung cấp ở Bảng trên, nếu Bộ Giáo dục và Đào tạo có Quyết định công nhận các cấp độ tương đương với các bậc của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trong thời gian thu hồ sơ dự tuyển, học viện sẽ cập nhật và thông báo bổ sung.

**DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỔ CHỨC THI VÀ CẤP CHỨNG CHỈ
NGOẠI NGỮ THEO KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC
DÙNG CHO VIỆT NAM**

TT	Cơ sở
1	Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
2	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế
3	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội
4	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng
5	Đại học Thái Nguyên
6	Trường Đại học Cần Thơ
7	Trường Đại học Hà Nội
8	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
9	Trường Đại học Vinh
10	Trường Đại học Sài Gòn
11	Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh
12	Trường Đại học Trà Vinh
13	Trường Đại học Văn Lang
14	Trường Đại học Quy Nhơn
15	Trường Đại học Tây Nguyên

TT	Cơ sở
16	Học viện An ninh nhân dân
17	Học viện Báo chí và Tuyên truyền
18	Trường Đại học Công thương Thành phố Hồ Chí Minh
19	Trường Đại học Thương mại
20	Học viện Khoa học quân sự
21	Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh
22	Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn - Đại học Quốc gia TP HCM
23	Học viện Cảnh sát nhân dân
24	Đại học Bách Khoa Hà Nội
25	Trường Đại học Nam Cần Thơ
26	Trường Đại học Ngoại thương
27	Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh
28	Trường Đại học Kinh tế quốc dân
29	Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh
30	Trường Đại học Lạc Hồng
31	Trường Đại học Đồng Tháp
32	Trường Đại học Duy Tân
33	Trường Đại học Phenikaa
34	Học viện Ngân hàng

e) Người dự tuyển là công dân nước ngoài phải có trình độ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài;

g) Nộp đầy đủ hồ sơ dự tuyển, được xác nhận bởi cơ quan quản lý nhân sự (nếu là người đã có việc làm). Đối với người chưa có việc làm cần được địa phương nơi cư trú xác nhận nhân thân tốt và hiện không vi phạm pháp luật;

h) Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với quá trình đào tạo theo quy định của Học viện (đóng học phí; hoàn trả kinh phí với nơi đã cấp cho quá trình đào tạo nếu không hoàn thành luận án tiến sĩ);

i) Đủ sức khỏe để học tập và công tác.

IV. HÌNH THỨC TUYỂN SINH

Hình thức tuyển sinh: xét tuyển

Việc xét tuyển nghiên cứu sinh phải được tiến hành thông qua đánh giá hồ sơ dự tuyển, kết quả học tập ở trình độ đại học, thạc sĩ, trình độ ngoại ngữ; thành tích nghiên cứu khoa học đã có; kinh nghiệm hoạt động chuyên môn; chất lượng bài luận về dự định nghiên cứu; ý kiến nhận xét đánh giá và ủng hộ ứng viên trong thư giới thiệu.

V. HỒ SƠ TUYỂN SINH

1. Hồ sơ dự tuyển nghiên cứu sinh gồm có:

- Đơn đăng ký dự tuyển nghiên cứu sinh (theo mẫu);
- Phiếu đăng ký dự tuyển nghiên cứu sinh (theo mẫu);
- Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức);
- Sơ yếu lý lịch;
- Bản sao (có chứng thực) văn bằng, bảng điểm tốt nghiệp đại học và các chứng chỉ bổ sung kiến thức (nếu có);
- Bản sao bằng và bảng điểm thạc sĩ (có chứng thực);
- Bản sao bằng, chứng chỉ khác (có chứng thực, nếu có);
- 08 bản sao các bài báo khoa học đã công bố gồm: trang bìa, trang mục lục và toàn bộ bài báo khoa học, có bảng kê khai danh mục ở trang sau bìa lót (nếu có); hoặc 08 bản sao minh chứng kinh nghiệm nghiên cứu từ luận văn thạc sĩ (nếu phát triển hướng nghiên cứu từ đề tài thạc sĩ); hoặc minh chứng kinh nghiệm công tác 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ.

Đối với đề tài nghiên cứu khoa học: sao chụp Quyết định/Hợp đồng giao đề tài nghiên cứu, Biên bản nghiệm thu đề tài và Bản tóm tắt nội dung nghiên cứu (khoảng 10 trang);

- Thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu;

- Lý lịch khoa học của người hướng dẫn dự kiến;
- Giấy chứng nhận của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và đào tạo về các văn bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ do cơ sở nước ngoài cấp.
- 01 bản gốc và 07 bản sao bài luận về dự định nghiên cứu của ứng viên và dự kiến kế hoạch học tập toàn khóa (theo mẫu);
- Bản sao có chứng thực các giấy tờ hợp pháp về đối tượng ưu tiên (nếu có);
- Các giấy tờ xác nhận thâm niên nghề nghiệp (nếu có);
- 01 bản cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với quá trình đào tạo theo quy định (theo mẫu);
- Giấy chứng nhận đủ sức khỏe để học tập của bệnh viện đa khoa;

- 03 phong bì có dán tem ghi rõ địa chỉ liên hệ của ứng viên;
- 02 ảnh 3 x 4 ghi rõ họ tên và ngày tháng năm sinh của ứng viên sau ảnh.

2. Phát hành và nộp hồ sơ

Hồ sơ dự tuyển nghiên cứu sinh do Học viện Khoa học xã hội phát hành.

- Thời gian phát hành hồ sơ: từ ngày 09 tháng 4 năm 2025 đến ngày 30 tháng 5 năm 2025.
- Thời gian nhận hồ sơ: từ ngày 10 tháng 04 đến hết ngày 10 tháng 6 năm 2025 (Hồ sơ dự thi đã nộp không trả lại).

- Địa điểm phát hành và nhận hồ sơ:

+ Phòng Quản lý đào tạo, Học viện Khoa học xã hội, số 477 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Điện thoại liên hệ: 024 35528560; 024 35527738; hotline: 0983895096 (Bà Bùi Thị Nga) hoặc 0903 200037(ông Nguyễn Nghiêm Hoàng).

+ Cơ sở Học viện Khoa học xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh, số 270 đường Nguyễn Trọng Tuyển, phường 8, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Điện thoại liên hệ: 0903886561 (Bà Trần Thị Thu Hà); 0907012082 (Bà Phạm Thái Linh Ngọc)

VI. ĐỊA ĐIỂM, THỜI GIAN TUYỂN SINH

1. Địa điểm

- Địa điểm xét tuyển nghiên cứu sinh được tổ chức tại Học viện Khoa học xã hội, số 477 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

2. Thời gian

- Thời gian xét tuyển nghiên cứu sinh: dự kiến các ngày 29, 30 tháng 6 năm 2025.
- Thời gian công bố kết quả xét tuyển: dự kiến từ ngày 10 tháng 7 năm 2025 đến ngày 15 tháng 7 năm 2025.
- Thời gian nhập học: dự kiến từ ngày 15 tháng 8 năm 2025 đến ngày 31 tháng 8 năm 2025.

VII. KINH PHÍ TUYỂN SINH, HỌC PHÍ

1. Lệ phí đăng ký tuyển sinh: 60.000 đồng

2. Lệ phí tuyển sinh: Lệ phí xét tuyển nghiên cứu sinh: 200.000 đồng/ứng viên/hồ sơ

3. Học phí (năm học 2025 - 2026): 3.750.000đ x 10 tháng = 37.500.000đ/năm; Tiền tài liệu: sẽ được thu vào thời điểm nghiên cứu sinh trúng tuyển nhập học (Học phí được thực hiện theo Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ; mức tăng học phí từng năm không quá 10% so với năm học trước liền kề và sẽ có điều chỉnh khi có văn bản quy phạm pháp luật mới về thu học phí).

Thông tin chi tiết về tuyển sinh được cập nhật trên Cổng thông tin điện tử của Học viện:
<http://www.gass.edu.vn>

Lưu ý:

Người dự tuyển có thể tham khảo Danh mục hướng nghiên cứu và danh sách người hướng dẫn khoa học tại các Khoa có ngành tuyển sinh.

Đề tài nghiên cứu và người hướng dẫn được đề nghị phải nằm trong danh mục các hướng nghiên cứu và danh sách các nhà khoa học có thể nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh của Học viện Khoa học xã hội (có thể liên hệ với các Khoa có ngành tuyển sinh tại Học viện).

Người dự tuyển đề xuất người hướng dẫn khoa học ngoài Học viện phải kèm theo bản Lý lịch khoa học của người hướng dẫn khoa học và Thư giới thiệu ứng viên dự tuyển (có kê khai số lượng nghiên cứu sinh đã hướng dẫn và xác nhận đồng ý nhận hướng dẫn cuối thư).

Người dự tuyển có bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp thì phải gửi hồ sơ thẩm định văn bằng đến Cục Quản lý chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo, có văn bản công nhận hợp lệ trước khi nộp hồ sơ.!

Nơi nhận:

- Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Các Bộ, Ban, Ngành ở Trung ương;
- Các Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Các Sở Nội vụ, Trường Chính trị của tỉnh và thành phố trực thuộc TW;
- Các cơ quan tư pháp ở các địa phương;
- Các Trường Đại học, Học viện, Cao đẳng;
- Các Trường đào tạo, bồi dưỡng của Đảng và Nhà nước và các đoàn thể chính trị - xã hội;
- Đảng ủy Học viện KHXH;
- Hội đồng Học viện KHXH;
- Lưu VT, ĐT.

GIÁM ĐỐC



PGS.TS. Nguyễn Huy Hoàng